TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2026/DS-ST
Ngày: 07-5-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; trụ sở chính: Số H, L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Đào Hồng C - Chuyên viên xử lý nợ, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Ông Nguyễn Thành L - Trưởng bộ phận xử lý nợ, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số F, đường N, tổ G, khu phố Đ, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/01/2026).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số B, đường H, tổ F, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2025 của Ngân hàng TMCP V và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/02/2021, Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Thu H ký Hợp đồng cho vay số LD2103500683 có nội dung: Ngân hàng TMCP V cho bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền gốc là 210.000.000 đồng; mục đích vay để mua đồ gia dụng; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất trong hạn là 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; khoản vay của bà H không có tài sản bảo đảm. Sau khi Ngân hàng giải ngân, bà H đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 147.183.431 đồng và lãi phát sinh là 103.584.658 đồng; bà H còn nợ số tiền gốc là 62.816.569 đồng và lãi phát sinh đến ngày 07/5/2026 là 82.070.404 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 1.474.272 đồng và lãi quá hạn: 80.596.132 đồng). Từ ngày 04/7/2023 đến nay khoản vay của bà H đã chuyển sang quá hạn.

Ngày 10/10/2022, Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị Thu H ký Hợp đồng cho vay số LD2228301195 có nội dung: Ngân hàng TMCP V cho bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền gốc là 271.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất trong hạn là 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; khoản vay của bà H không có tài sản bảo đảm. Sau khi Ngân hàng giải ngân, bà H đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 18.728.713 đồng và lãi phát sinh là 51.462.527 đồng; bà H còn nợ số tiền gốc là 252.271.287 đồng và lãi phát sinh đến ngày 07/5/2026 là 329.105.416 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 6.100.103 đồng và lãi quá hạn: 323.005.313 đồng). Từ ngày 04/7/2023 đến nay khoản vay của bà H đã chuyển sang quá hạn.

Ngày 10/10/2022, Ngân hàng TMCP V phát hành cho bà H thẻ tín dụng có hạn mức 15.000.000 đồng, theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ số 261-P-4738418, mục đích vay tiêu dùng, khoản vay không có tài sản bảo đảm. Hiện nay, bà H còn nợ số tiền gốc là 13.152.355 đồng và lãi, phí phát sinh đến ngày 07/5/2026 là 31.751.949 đồng (trong đó lãi: 31.042.862 đồng và phí: 709.087 đồng). Từ ngày 23/7/2023, khoản vay của bà H đã chuyển sang nợ quá hạn.

Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là 771.167.980 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc của Hợp đồng số LD2103500683: 62.816.569 đồng;

+ Lãi trong hạn của Hợp đồng số LD2103500683: 1.474.272 đồng;

+ Lãi quá hạn của Hợp đồng số LD2103500683: 80.596.132 đồng;

+ Nợ gốc của Hợp đồng số LD2228301195: 252.271.287 đồng;

+ Lãi trong hạn của Hợp đồng số LD2228301195: 6.100.103 đồng;

+ Lãi quá hạn của Hợp đồng số LD2228301195: 323.005.313 đồng;

+ Nợ gốc của thẻ tín dụng số 261-P-4738418: 13.152.355 đồng;

+ Nợ lãi của thẻ tín dụng số 261-P-4738418: 31.042.862 đồng;

+ Nợ phí của thẻ tín dụng số 261-P-4738418: 709.087 đồng.

Từ ngày 08/5/2026, bà Nguyễn Thị Thu H còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tiền lãi quá hạn, lãi phạt, phí được tính theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà Nguyễn Thị Thu H có vay của Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 210.000.000 đồng; một hợp đồng tín dụng không nhớ chính xác số tiền gốc và 01 thẻ tín dụng hạn mức 15.000.000 đồng. Hiện nay, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 323.174.545 đồng. Sau dịch Covid19, việc làm ăn khó khăn dẫn đến bà H không có khả năng để trả nợ cho Ngân hàng tiền nợ gốc và lãi đến nay. Bà H đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 323.174.545 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, xin Ngân hàng cho bà H trả nợ dần trong thời gian 02 năm.

**** Tại phiên tòa:***

- Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả nợ gốc và lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng TMCP V với bà Nguyễn Thị Thu H nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có nơi cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3]. Về sự tham gia của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 04/02/2021, Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Thu H ký Hợp đồng cho vay số LD2103500683 có nội dung: Ngân hàng TMCP V cho bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền gốc là 210.000.000 đồng; mục đích vay để mua đồ gia dụng; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất trong hạn là 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; khoản vay của bà H không có tài sản bảo đảm. Sau khi Ngân hàng giải ngân, bà H đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 147.183.431 đồng và lãi phát sinh là 103.584.658 đồng; bà H còn nợ số tiền gốc là 62.816.569 đồng và lãi phát sinh đến ngày 07/5/2026 là 82.070.404 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 1.474.272 đồng và lãi quá hạn: 80.596.132 đồng).

[2.2]. Ngày 10/10/2022, Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị Thu H ký Hợp đồng cho vay số LD2228301195 có nội dung: Ngân hàng TMCP V cho bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền gốc là 271.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất trong hạn là 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; khoản vay của bà H không có tài sản bảo đảm. Sau khi Ngân hàng giải ngân, bà H đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 18.728.713 đồng và lãi phát sinh là 51.462.527 đồng; bà H còn nợ số tiền gốc là 252.271.287 đồng và lãi phát sinh đến ngày 07/5/2026 là 329.105.416 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 6.100.103 đồng và lãi quá hạn: 323.005.313 đồng).

[2.3]. Ngày 10/10/2022, Ngân hàng TMCP V phát hành cho bà H thẻ tín dụng có hạn mức 15.000.000 đồng, theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ số 261-P-4738418, mục đích vay tiêu dùng, khoản vay không có tài sản bảo đảm. Hiện nay, bà H còn nợ số tiền gốc là 13.152.355 và lãi, phí phát sinh đến ngày 07/5/2026 là 31.751.949 đồng (trong đó lãi: 31.042.862 đồng và phí: 709.087 đồng).

[2.4]. Xét thấy, việc ký kết Hợp đồng cho vay số LD2103500683 ngày 04/02/2021; Hợp đồng cho vay số LD2228301195 ngày 10/10/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, thẻ số 261-P-4738418 ngày 10/10/2022 giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia giao dịch.

[2.5]. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H xác định hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 323.174.545 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xin Ngân hàng cho bà H trả nợ dần trong thời gian 02 năm. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V xác định do bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng TMCP V, từ đó dẫn đến phát sinh tranh chấp nên bà H phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng.

[2.6]. Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị Thu H đã không thanh toán tiền nợ gốc, lãi và phí cho Ngân hàng TMCP V kể từ ngày tháng 7/2023 đến nay. Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần thông báo yêu cầu bà H thanh toán nợ, nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ là đã vi phạm thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cho vay số LD2103500683 ngày 04/02/2021; Hợp đồng cho vay số LD2228301195 ngày 10/10/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, thẻ số 261-P-4738418 ngày 10/10/2022. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là 771.167.980 đồng bao gồm nợ gốc: 328.240.211 đồng và lãi, phí: 442.927.769 đồng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại các điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 100, 102, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

[2.7]. Từ ngày 08/5/2026 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ, bà Nguyễn Thị Thu H còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tiền lãi quá hạn, lãi phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LD2103500683 ngày 04/02/2021; Hợp đồng cho vay số LD2228301195 ngày 10/10/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, thẻ số 261-P-4738418 ngày 10/10/2022.

[3]. Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 147, 180, 227, 228, 235, 238, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025;

Căn cứ các điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 100, 102, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là 771.167.980đ (bảy trăm bảy mươi mốt triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi đồng), bao gồm:

+ Nợ gốc của Hợp đồng số LD2103500683: 62.816.569 đồng;

+ Lãi trong hạn của Hợp đồng số LD2103500683: 1.474.272 đồng;

+ Lãi quá hạn của Hợp đồng số LD2103500683: 80.596.132 đồng;

+ Nợ gốc của Hợp đồng số LD2228301195: 252.271.287 đồng;

+ Lãi trong hạn của Hợp đồng số LD2228301195: 6.100.103 đồng;

+ Lãi quá hạn của Hợp đồng số LD2228301195: 323.005.313 đồng;

+ Nợ gốc của thẻ tín dụng số 261-P-4738418: 13.152.355 đồng;

+ Nợ lãi của thẻ tín dụng số 261-P-4738418: 31.042.862 đồng;

+ Nợ phí của thẻ tín dụng số 261-P-4738418: 709.087 đồng.

- Từ ngày 08/5/2026 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ, bà Nguyễn Thị Thu H còn phải thanh toán cho Hợp đồng cho vay số LD2103500683 ngày 04/02/2021; Hợp đồng cho vay số LD2228301195 ngày 10/10/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, thẻ số 261-P-4738418 ngày 10/10/2022.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 34.846.719đ (ba mươi tư triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm mười chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Thi hành án dân sự Thành phố H hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 13.653.000đ (mười ba triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0053701 ngày 26/12/2025.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TAND KHU VỰC 15

TI3070526.TL.QDBA
1670

Vũ Thị Nga